

Số: 126 /2026/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 47/2024/QH15 và Luật số 97/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

Căn cứ Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2026/NQ-HĐND ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định số lượng, chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7763/TTr-SNV ngày 13 tháng 8 năm 2026 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2026.

2. Quyết định số 25/2020/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (cũ) quy định một số nội dung về tổ chức và

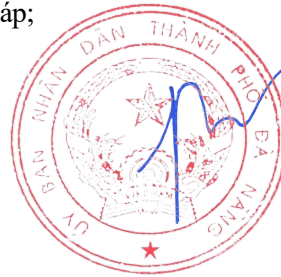
hoạt động của tổ dân phố, thôn trên địa bàn thành phố Đà Nẵng và Quyết định số 20/2019/QĐ-UBND ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Quảng Nam hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc Sở Nội vụ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *lua*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Các Vụ: Pháp chế; Chính quyền địa phương - Bộ Nội vụ;
- Cục KTVB và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND thành phố;
- Ban Thường trực UBMTTQVN thành phố;
- Các thành viên UBND thành phố;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Thành ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội thành phố;
- Các Ban của HĐND thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND thành phố;
- Các sở, ban, ngành;
- Các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND thành phố;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- UBND đặc khu Hoàng Sa;
- Công báo thành phố;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Đà Nẵng; Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hồ Kỳ Minh



QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 126/2026/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố phù hợp với tình hình thực tế trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, gồm: tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố; nhiệm vụ, quyền hạn, tiêu chuẩn, quy trình bầu, cho thôi làm và mối quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc tổ chức thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng

- Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu (sau đây gọi chung là cấp xã);
- Thôn, tổ dân phố trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;
- Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;
- Cộng đồng dân cư tại thôn, tổ dân phố.

Điều 2. Thôn, tổ dân phố

1. Thôn, tổ dân phố là tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực thuộc phạm vi một đơn vị hành chính cấp xã; là nơi thực hiện dân chủ trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; tổ chức để Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ do chính quyền địa phương cấp xã giao theo quy định; đặt dưới sự lãnh đạo của cấp ủy và sự quản lý trực tiếp của chính quyền cấp xã.

2. Thôn được tổ chức ở xã; dưới xã là thôn.

3. Tổ dân phố được tổ chức ở phường; dưới phường là tổ dân phố.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố

Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tổ chức của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm tinh gọn, hợp lý; hoạt động hiệu quả; phù hợp với quy mô dân cư, đặc điểm địa bàn và yêu cầu quản lý của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Bảo đảm hoạt động của cộng đồng dân cư thực hiện theo nguyên tắc tự quản; phát huy quyền làm chủ trực tiếp của Nhân dân trong tổ chức đời sống cộng đồng; giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương; bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy đảng và chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền địa phương cấp xã.

3. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; phân định rõ nhiệm vụ tự quản của cộng đồng dân cư với nhiệm vụ hỗ trợ hoạt động quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã.

4. Hoạt động của thôn, tổ dân phố phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và các tổ chức tự quản trên địa bàn; phát huy vai trò của Nhân dân trong bảo đảm an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư.

5. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư, tạo thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận thông tin, tham gia các hoạt động cộng đồng và phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong các hoạt động tại địa bàn.

Chương II

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 4. Tổ chức của thôn, tổ dân phố

1. Thôn có Trưởng thôn; tổ dân phố có Tổ trưởng tổ dân phố là người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố. Việc bố trí Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, đặc điểm địa bàn, quy mô số hộ gia đình và không vượt quá số lượng người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố giúp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện nhiệm vụ được phân công. Việc lựa chọn Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố mới thành lập, được sắp xếp, tổ chức lại chưa bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu

được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong thời hạn không quá 06 tháng kể từ ngày có quyết định chỉ định Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời.

4. Nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là 05 năm. Nhiệm kỳ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo nhiệm kỳ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố.

Trường hợp cần điều chỉnh thời điểm bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố để phục vụ việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do sự kiện bất khả kháng như thiên tai, dịch bệnh mà không thể tổ chức bầu đúng thời hạn, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố nhưng không quá 06 tháng. Trường hợp phải rút ngắn hoặc kéo dài quá 06 tháng thì Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

Điều 5. Hoạt động của thôn, tổ dân phố

Hoạt động của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Hoạt động tự quản của thôn, tổ dân phố do cộng đồng dân cư thảo luận, quyết định và tổ chức thực hiện trên cơ sở tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật; hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố; phong tục, tập quán, truyền thống và điều kiện thực tế của từng thôn, tổ dân phố, gồm:

a) Thảo luận và quyết định chủ trương, mức đóng góp của Nhân dân để xây dựng, sửa chữa, duy tu cơ sở hạ tầng, công trình phúc lợi công cộng phục vụ đời sống cộng đồng trong phạm vi thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện việc thu, chi và quản lý các khoản đóng góp của Nhân dân trong cộng đồng dân cư ngoài các khoản đóng góp do pháp luật quy định; quản lý, sử dụng các khoản kinh phí, tài sản do cộng đồng dân cư được giao quản lý hoặc tiếp nhận từ các nguồn tài trợ, ủng hộ hợp pháp khác, bảo đảm công khai, minh bạch;

c) Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và tổ chức thực hiện sau khi được ban hành;

d) Tổ chức các hoạt động tự quản trong cộng đồng dân cư bảo đảm giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phát huy các giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp và truyền thống đoàn kết trong cộng đồng dân cư; bảo vệ môi trường; phòng, chống các tệ nạn xã hội; chăm lo sức khỏe cộng đồng; khuyến khích các hoạt động tương trợ, giúp đỡ nhau phát triển kinh tế, giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng;

đ) Tổ chức thực hiện việc bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; lựa chọn, cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo quy định tại Quy chế này và quy định pháp luật có liên quan; bầu, cho thôi làm thành

viên Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

e) Tham gia ý kiến đối với các nội dung liên quan trực tiếp đến đời sống của cộng đồng dân cư do chính quyền địa phương cấp xã lấy ý kiến theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

g) Biện pháp khuyến khích các hoạt động tự quản, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau trong cộng đồng dân cư; phát huy vai trò của các tổ chức tự quản, các tổ, nhóm cộng đồng trong việc xây dựng đời sống văn hóa, phát triển kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội tại địa bàn;

h) Thực hiện các công việc tự quản khác trong nội bộ cộng đồng dân cư không trái với quy định của pháp luật, phù hợp với thuần phong, mỹ tục và đạo đức xã hội.

2. Hoạt động phối hợp, hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn dân cư được thực hiện theo hướng dẫn của chính quyền địa phương cấp xã; phù hợp với chức năng tự quản của cộng đồng dân cư, điều kiện thực tế và quy định của pháp luật, gồm:

a) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các phong trào, cuộc vận động do cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội phát động;

b) Tổng hợp, phản ánh ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị chính đáng của Nhân dân; tham gia trao đổi, phối hợp với chính quyền địa phương cấp xã trong việc giải quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống cộng đồng dân cư tại địa bàn;

c) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong việc cung cấp, trao đổi thông tin liên quan đến cộng đồng dân cư tại địa bàn để phục vụ công tác quản lý hành chính nhà nước và quản trị địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp công khai thông tin, tạo điều kiện để Nhân dân tiếp cận thông tin, thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công và các chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người dân;

đ) Tham gia, phối hợp thực hiện các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh và các hoạt động cộng đồng khác trên cơ sở vận động, tạo sự đồng thuận của Nhân dân và phù hợp với điều kiện thực tế của địa bàn;

e) Hỗ trợ triển khai chuyển đổi số tại cộng đồng dân cư; tuyên truyền, hướng dẫn Nhân dân sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến và các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ đời sống xã hội;

g) Xây dựng và thực hiện quy chế phối hợp giữa Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố nhằm bảo đảm sự phối hợp thống nhất, hiệu quả trong tổ chức và hoạt động tại địa bàn.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TỔ TRƯỞNG TỔ DÂN PHỐ VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, TỔ PHÓ TỔ DÂN PHỐ

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Nhiệm vụ của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Chủ trì hội nghị thôn, tổ dân phố; tổ chức hội nghị định kỳ hoặc cuộc họp của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổ chức để cộng đồng dân cư bàn, quyết định các nội dung thuộc phạm vi Nhân dân bàn và quyết định; tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến đối với các nội dung thuộc phạm vi phải lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;

b) Tổ chức thực hiện và theo dõi việc thực hiện các quyết định của cộng đồng dân cư đã được Nhân dân trong thôn, tổ dân phố thông qua; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã về kết quả thực hiện;

c) Tổ chức triển khai các hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật và hương ước, quy ước của thôn, tổ dân phố;

d) Phân công nhiệm vụ cho Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố; phối hợp với Ban Công tác Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở, các tổ chức tự quản khác ở thôn, tổ dân phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội và hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của chính quyền địa phương cấp xã tại địa bàn;

đ) Thực hiện vai trò đại diện của thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật;

e) Báo cáo kết quả hoạt động của thôn, tổ dân phố trước hội nghị thôn, tổ dân phố theo định kỳ hằng năm hoặc khi cần thiết;

g) Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; hương ước, quy ước của cộng đồng dân cư; thực hiện dân chủ ở cơ sở và các phong trào, cuộc vận động tại địa bàn;

h) Nắm tình hình đời sống cộng đồng dân cư; tập hợp, phản ánh với chính quyền địa phương cấp xã các kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân; báo cáo kịp thời các vấn đề phát sinh tại địa bàn; tham gia hòa giải ở cơ sở, giữ gìn đoàn kết trong cộng đồng dân cư;

i) Vận động Nhân dân tham gia phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, bảo vệ môi trường, xây dựng đời sống văn hóa và phát triển cộng đồng dân cư tại địa bàn;

k) Phối hợp với Ban Thanh tra nhân dân, Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng, Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc tổ

chức cho Nhân dân tham gia giám sát các công trình, dự án, các khoản đóng góp của Nhân dân và việc thực hiện dân chủ ở cơ sở tại địa bàn;

l) Tổ chức tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, phòng thủ dân sự và bảo đảm an ninh, trật tự tại địa bàn theo quy định của pháp luật;

m) Hỗ trợ chính quyền địa phương cấp xã trong thực hiện chuyển đổi số, cập nhật thông tin, dữ liệu phục vụ quản lý địa bàn; hướng dẫn, hỗ trợ Nhân dân tiếp cận, sử dụng nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến; phối hợp cung cấp thông tin cần thiết phục vụ hoạt động quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật;

n) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo hướng dẫn, phân công của chính quyền địa phương cấp xã.

2. Quyền hạn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Đại diện cho thôn, tổ dân phố trong các quan hệ liên quan đến hoạt động của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật; là người đại diện cho cộng đồng dân cư ký hợp đồng về xây dựng công trình do Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đóng góp kinh phí và đã được hội nghị thôn, tổ dân phố thông qua theo quy định của pháp luật;

b) Được mời tham gia các cuộc họp của chính quyền địa phương cấp xã liên quan đến việc triển khai các công việc trực tiếp liên quan đến cộng đồng dân cư;

c) Được lựa chọn Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố sau khi thống nhất với Bí thư Chi bộ, Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận và cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

d) Phân công nhiệm vụ giải quyết công việc cho Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố;

đ) Thực hiện các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Nhiệm vụ của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố: Thực hiện một số nhiệm vụ do Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; thay mặt Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền, phân công.

4. Quyền hạn của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

a) Điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền;

b) Được tham dự cuộc họp của chính quyền cấp xã khi được mời hoặc được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền;

c) Được cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến công tác quản lý và hoạt động của thôn, tổ dân phố;

d) Được bồi dưỡng, tập huấn về công tác tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

Điều 7. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn cấp xã; từ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; nhân sự lần đầu tham gia Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không quá 60 tuổi và thời gian giữ chức vụ không quá 65 tuổi; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ và chức trách được giao;

b) Có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu; có uy tín trong cộng đồng dân cư; được Nhân dân tín nhiệm; bản thân và gia đình gương mẫu về đạo đức, lối sống, chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước;

c) Có kiến thức văn hóa, năng lực, kinh nghiệm và phương pháp vận động, tổ chức Nhân dân thực hiện tốt các công việc tự quản của cộng đồng dân cư và triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ do cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã giao; khuyến khích lựa chọn người có trình độ chuyên môn phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố;

d) Có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; có khả năng lập kế hoạch, tổng hợp, thống kê, báo cáo và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;

đ) Không trong thời gian bị xử lý kỷ luật, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đang chấp hành bản án, quyết định của Tòa án;

e) Ưu tiên người là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam;

g) Có khả năng tổ chức, điều hành hoạt động tự quản của cộng đồng dân cư; có kỹ năng giao tiếp, thuyết phục, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân; có khả năng hòa giải, giải quyết tình huống phát sinh trong cộng đồng, góp phần giữ gìn an ninh trật tự, phát triển đời sống kinh tế - xã hội tại địa bàn;

h) Có trình độ học vấn tốt nghiệp Trung học phổ thông và có trình độ chuyên môn từ Trung cấp trở lên phù hợp với yêu cầu hoạt động của thôn, tổ dân phố;

i) Trường hợp địa bàn có khó khăn về nhân sự hoặc có yếu tố đặc thù về điều kiện dân cư, lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán, Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã xem xét, quyết định người có độ tuổi, trình độ phù hợp với điều kiện thực tế nhưng phải bảo đảm uy tín, sức khỏe, năng lực vận động Nhân dân và khả năng hoàn thành nhiệm vụ, chức trách được giao;

k) Việc xem xét, giới thiệu nhân sự Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện trên cơ sở đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn quy định tại khoản này, trừ trường hợp quy định tại điểm i khoản này; trường hợp có từ hai người trở lên cùng đáp ứng các tiêu chuẩn thì ưu tiên người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã trước ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Tiêu chuẩn của Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

a) Là công dân Việt Nam cư trú thường xuyên tại địa bàn cấp xã; từ 21 tuổi trở lên, ưu tiên người trong độ tuổi lao động theo quy định; có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

b) Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; gương mẫu chấp hành chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm, có uy tín trong cộng đồng dân cư và được Nhân dân tín nhiệm;

c) Có năng lực thực hiện nhiệm vụ được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố phân công; có khả năng điều hành, giải quyết công việc khi được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố ủy quyền;

d) Ưu tiên có trình độ học vấn tốt nghiệp trung học phổ thông, có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ.

Điều 8. Quy trình bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Công tác chuẩn bị bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định tổ chức bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; chủ trì, phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu;

b) Chậm nhất 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành quyết định thành lập Tổ bầu cử sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã. Tổ bầu cử gồm đại diện Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố làm Tổ trưởng; thành viên là đại diện các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội và đại diện hộ gia đình ở thôn, tổ dân phố (không phải là người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố);

c) Các quyết định quy định tại điểm a và điểm b khoản này phải được thông báo đến Nhân dân ở thôn, tổ dân phố, niêm yết tại nhà văn hóa, nhà sinh hoạt cộng đồng của thôn, tổ dân phố và thông báo trên hệ thống truyền thanh hoặc bằng hình thức khác phù hợp với điều kiện của địa phương chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử;

d) Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố tổ chức cuộc họp Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố để dự kiến danh sách người ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; báo cáo cấp ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để thống nhất giới thiệu ít nhất 01 người ra ứng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố; tổ chức cuộc họp Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố sau khi có ý kiến của chi ủy chi bộ thôn, tổ dân phố để quyết định danh sách chính thức những người ứng cử (ít nhất 01 người);

Nội dung cuộc họp Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố phải được lập thành biên bản theo Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ và gửi tới Ủy ban nhân dân cấp xã chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư;

Trường hợp thôn, tổ dân phố có số hộ gia đình lớn hoặc có địa bàn dân cư sinh sống rộng, không tập trung thì việc tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư theo từng cụm dân cư được thực hiện theo phương án do Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố. Người chủ trì cuộc họp tại cụm dân cư, việc báo cáo kết quả từng cụm dân cư và tổng hợp vào kết quả chung của thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Tổ bầu cử do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập có trách nhiệm triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Thành phần tham dự cuộc họp thực hiện theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

b) Tổ trưởng Tổ bầu cử tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu, thông qua chương trình cuộc họp; giới thiệu người đề cuộc họp biểu quyết cử làm thư ký cuộc họp. Thư ký cuộc họp được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử hoặc người được phân công công bố các quyết định, văn bản liên quan đến việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo chương trình cuộc họp;

d) Đại diện Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố giới thiệu danh sách người ứng cử do Ban Công tác Mặt trận quyết định theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều này; đề nghị đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp tự ứng cử hoặc đề cử người có đủ tiêu chuẩn, điều kiện để tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định;

đ) Đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp thảo luận về danh sách người ứng cử. Kết thúc thảo luận, người chủ trì cuộc họp tổng hợp ý kiến, đề xuất nội dung cần biểu quyết và phương án biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín đề người tham dự cuộc họp biểu quyết lựa chọn. Phương án biểu quyết được lựa chọn khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý;

e) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức giơ tay, kết quả biểu quyết được kiểm đếm ngay tại thời điểm biểu quyết và ghi vào biên bản cuộc họp;

g) Trường hợp biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu kín, người chủ trì cuộc họp đề xuất số lượng và danh sách Ban kiểm phiếu từ 03 đến 05 người, gồm Trưởng ban và các thành viên, để đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu

quyết bằng hình thức giơ tay. Ban kiểm phiếu được quyết định khi có trên 50% đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp biểu quyết đồng ý. Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ, cách ghi phiếu, bỏ phiếu; tiến hành phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu; mời 02 đại diện hộ gia đình tham dự cuộc họp không phải là người ứng cử chứng kiến việc kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định;

h) Người chủ trì cuộc họp công bố kết quả biểu quyết và kết luận cuộc họp. Người được bầu làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là người được trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành. Trường hợp xác định được người trúng cử thì người trúng cử ra mắt cuộc họp;

i) Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp, người chủ trì cuộc họp có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ cuộc họp; quyết định đã được cộng đồng dân cư thông qua được lập theo Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 59/2023/NĐ-CP phải được gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã theo quy định;

k) Trường hợp cuộc họp không xác định được người trúng cử thì Tổ bầu cử lập biên bản, nêu rõ lý do không bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định việc tổ chức bầu lại theo quy định. Việc bầu lại Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều này.

3. Tổ chức phát phiếu lấy ý kiến của hộ gia đình trong trường hợp cuộc họp không đủ điều kiện để đạt tỷ lệ thông qua

a) Trường hợp nội dung bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đã được tổ chức tại cuộc họp của cộng đồng dân cư nhưng không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở và Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo quy định của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở, Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và hướng dẫn của Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Việc xây dựng kế hoạch, thành lập Tổ phát phiếu lấy ý kiến, công khai thông tin, mẫu phiếu, phát phiếu, thu phiếu, kiểm phiếu, lập biên bản và gửi kết quả thực hiện theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật có liên quan; không sử dụng phát phiếu lấy ý kiến như phương thức thay thế ngay từ đầu cho cuộc họp của cộng đồng dân cư khi pháp luật không cho phép;

c) Kết quả lấy ý kiến được thông qua khi tổng hợp kết quả theo đúng quy định của pháp luật và có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành.

4. Công nhận kết quả bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố hoặc quyết định bầu lại; trường hợp không ban hành quyết định công nhận hoặc quyết định bầu lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

b) Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố chính thức hoạt động khi có quyết định công nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 9. Quy trình cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được quyết định tại cuộc họp của cộng đồng dân cư đối với các trường hợp sau đây:

a) Người xin thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố vì lý do sức khỏe, do hoàn cảnh gia đình hoặc vì lý do khác theo nguyện vọng cá nhân có đơn gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nêu rõ lý do xin thôi;

b) Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho thôi trong trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không còn được Nhân dân tín nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm quyền làm chủ của Nhân dân, tham nhũng, lãng phí, không phục tùng sự chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã, các quy định của cấp trên, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc khi có ít nhất 50% tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố kiến nghị.

2. Trình tự, thủ tục cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

a) Trưởng Ban Công tác Mặt trận ở thôn, tổ dân phố triệu tập và chủ trì cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố đồng thời là Trưởng Ban Công tác Mặt trận thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã triệu tập và chủ trì cuộc họp sau khi thống nhất với Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

b) Trình tự tổ chức cuộc họp của cộng đồng dân cư để cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP của Chính phủ;

c) Quyết định của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thông qua khi có trên 50% tổng số đại diện hộ gia đình trong thôn, tổ dân phố tán thành;

d) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định đã được cộng đồng dân cư biểu quyết thông qua, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố. Trường hợp không ban hành quyết định công nhận kết quả cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Trường hợp cuộc họp không thống nhất được việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố thì Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

đ) Trường hợp cuộc họp của cộng đồng dân cư về việc cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố không có đủ đại diện hộ gia đình tham dự để có thể đạt tỷ lệ biểu quyết tán thành theo quy định thì thực hiện phát phiếu lấy ý kiến hộ gia đình theo Điều 4 Nghị định số 59/2023/NĐ-CP và quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở;

e) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày có quyết định công nhận cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định việc tiến hành bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới. Việc bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới thực hiện theo quy định tại Điều 8 Quy chế này;

g) Trong thời gian khuyết Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân cấp xã thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã quyết định cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lâm thời để điều hành hoạt động của thôn, tổ dân phố cho đến khi bầu được Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố mới.

Điều 10. Mỗi quan hệ công tác của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố

1. Mỗi quan hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Thường xuyên liên hệ với Ủy ban nhân dân cấp xã để tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cơ quan nhà nước cấp trên và của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã; phát huy quyền làm chủ của Nhân dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở;

c) Kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về tình hình mọi mặt của thôn, tổ dân phố và đề xuất biện pháp giải quyết khi cần thiết, góp phần giữ gìn an ninh trật tự trên địa bàn.

2. Mỗi quan hệ với Chi bộ thôn, tổ dân phố: Chấp hành sự lãnh đạo của Chi bộ thôn, tổ dân phố; phối hợp với Bí thư Chi bộ trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ tại địa bàn; chịu sự kiểm tra, giám sát của Chi bộ theo quy định của Đảng.

3. Mỗi quan hệ với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố

a) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, tổ dân phố để tổ chức cho Nhân dân tham gia các phong trào, cuộc vận động do các tổ chức này phát động;

b) Phối hợp với Trưởng Ban Công tác Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội của thôn, tổ dân phố trong việc vận động Nhân dân triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị - xã hội trong cộng đồng dân cư; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức tự quản của thôn, tổ dân phố.

4. Mỗi quan hệ với các cơ quan, tổ chức, đơn vị đóng trên địa bàn và thôn, tổ dân phố giáp ranh: Phối hợp với các cơ quan, tổ chức nhà nước đóng trên địa bàn và thôn, tổ dân phố giáp ranh để tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt công tác quản lý hành chính nhà nước và các hoạt động tự quản ở thôn, tổ dân phố.

5. Mối quan hệ với Nhân dân trong thôn, tổ dân phố

a) Hướng dẫn, tuyên truyền, vận động Nhân dân trong thôn, tổ dân phố đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa trong khu dân cư; giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tội phạm và các tệ nạn xã hội trong thôn, tổ dân phố; kịp thời nắm bắt, hòa giải, báo cáo cấp có thẩm quyền khi phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp phức tạp trong nội bộ Nhân dân; vận động và tổ chức Nhân dân thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tổ chức xây dựng và thực hiện quy chế, quy ước, hương ước của thôn, tổ dân phố theo quy định của pháp luật;

b) Đại diện Nhân dân phản ánh, đề xuất chính quyền cấp xã giải quyết những ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân và chịu sự giám sát của Nhân dân trong thôn, tổ dân phố;

c) Tổ chức thực hiện việc công khai các nội dung để Nhân dân biết theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở và kế hoạch công khai của Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 11. Chế độ, chính sách đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố và Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố

1. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố là những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, được hưởng phụ cấp hằng tháng; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố là những người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố, được hưởng mức hỗ trợ hằng tháng. Mức phụ cấp, mức hỗ trợ hằng tháng thực hiện theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

2. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế và các chế độ, chính sách khác theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và quy định của pháp luật hiện hành; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được hưởng chế độ bảo hiểm y tế theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

3. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố nghỉ ngay kể từ khi có quyết định sắp xếp của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Chính phủ về tinh giản biên chế; Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố dôi dư do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố được cấp có thẩm quyền thống nhất nghỉ ngay được hưởng mức hỗ trợ theo quy định của Hội đồng nhân dân thành phố.

4. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố, Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng cần thiết. Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được biểu dương, khen thưởng theo quy định của pháp luật khi có thành tích trong thực hiện nhiệm vụ. Việc xem xét cho thôi làm và xử lý trách nhiệm đối với Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV

THÀNH LẬP, SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, ĐẶT TÊN, ĐỔI TÊN THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 12. Nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố

Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại Điều 8 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Tuân thủ quy định của pháp luật; bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch; kế thừa và phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp, phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm địa bàn, quy mô dân cư và điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; bảo đảm các điều kiện thiết yếu phục vụ tổ chức và hoạt động của cộng đồng dân cư; không làm gián đoạn việc quản lý địa bàn, tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chính sách liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của Nhân dân trong quá trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể thôn, tổ dân phố.

2. Việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải phù hợp với đặc điểm, điều kiện tự nhiên, trình độ phát triển kinh tế - xã hội, đặc điểm văn hóa, truyền thống, điều kiện đặc thù của đơn vị hành chính cấp xã sau sắp xếp và mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp.

3. Thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đối với các thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chí theo quy định của pháp luật hoặc theo yêu cầu quản lý, phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa, phân bố dân cư và yêu cầu tổ chức hoạt động của cộng đồng dân cư.

4. Việc sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố phải xem xét kỹ các yếu tố về vị trí địa lý, địa hình, phong tục, tập quán, đặc điểm dân cư, trình độ phát triển kinh tế - xã hội và nguyện vọng của Nhân dân tại địa phương; bảo đảm thực hiện tốt công tác quân sự, quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, thuận lợi cho đời sống, sinh hoạt của người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, phục vụ Nhân dân của chính quyền cơ sở.

5. Việc giải thể thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp cần thiết do thay đổi các yếu tố địa lý, địa hình, do sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố hoặc do thực hiện phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

6. Việc xác định loại hình thôn, tổ dân phố và đặt tên thôn, tổ dân phố được thực hiện đồng thời trong quy trình thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố.

7. Việc đặt tên thôn, tổ dân phố phải bảo đảm ngắn gọn, dễ nhớ, dễ viết, dễ phát âm, mang ý nghĩa lịch sử, văn hóa, truyền thống tốt đẹp; thể hiện được bản sắc, truyền thống địa phương. Ưu tiên kế thừa tên gọi hiện có hoặc tên gọi phù hợp với thực tiễn địa bàn; trường hợp cần thiết có thể sử dụng số thứ tự để đặt tên.

8. Việc đổi tên thôn, tổ dân phố được thực hiện trong trường hợp trùng tên thôn, tổ dân phố trong cùng một đơn vị hành chính cấp xã hoặc theo nguyện vọng của Nhân dân ở thôn, tổ dân phố.

Điều 13. Thẩm quyền thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

1. Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố trên địa bàn; quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập hồ sơ, tổ chức lấy ý kiến Nhân dân, tiếp thu, giải trình và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 14. Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố

Tiêu chuẩn của thôn, tổ dân phố được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Quy mô số hộ gia đình

a) Thôn phải có từ 300 hộ gia đình trở lên;

b) Tổ dân phố phải có từ 450 hộ gia đình trở lên.

2. Đối với thôn, tổ dân phố có yếu tố đặc thù thuộc địa bàn miền núi, xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, thôn đặc biệt khó khăn, thôn ở địa bàn có địa hình chia cắt phức tạp, giao thông đi lại khó khăn, dân cư sinh sống phân tán; thôn, tổ dân phố ở địa bàn biên giới, hải đảo hoặc thuộc khu vực quy hoạch giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư; thôn, tổ dân phố nằm biệt lập trên các đảo, cù lao, cồn trên sông thì quy mô số hộ gia đình có thể thấp hơn quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp thôn, tổ dân phố chưa bảo đảm tiêu chuẩn về quy mô số hộ gia đình quy định tại khoản 1 Điều này nhưng thuộc trường hợp đặc thù quy định tại khoản 2 Điều này thì Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ, báo cáo giải trình về sự cần thiết, điều kiện thực tế, yêu cầu quản lý, mức độ ổn định và gắn kết cộng đồng dân cư, đáp ứng yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh và báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Điều 15. Thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt

Việc thành lập thôn, tổ dân phố trong các trường hợp đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Trường hợp thành lập phường từ xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm rà soát, xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức lại thôn theo loại hình tổ dân phố để lấy ý kiến Nhân dân đồng thời trong hồ sơ Đề án thành lập phường. Kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc thành lập phường có hiệu lực thi hành, Hội đồng nhân dân phường quyết định việc sắp xếp, tổ chức lại và sử dụng tên gọi tổ dân phố trên địa bàn, trừ trường hợp cần thiết do yếu tố lịch

sử, văn hóa, phong tục, tập quán hoặc yêu cầu thực tiễn của địa phương thì Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định tiếp tục tổ chức thôn trong phường.

Trường hợp khi xây dựng hồ sơ Đề án thành lập phường từ xã mà chưa xây dựng được phương án sắp xếp, tổ chức lại để bảo đảm tiêu chuẩn quy mô số hộ gia đình của tổ dân phố quy định tại Quy chế này thì Ủy ban nhân dân cấp xã phải xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại sau khi thành lập phường.

2. Trường hợp khu vực dân cư mới hình thành chưa đủ điều kiện để thành lập thôn, tổ dân phố theo quy định thì Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có cho phù hợp, bảo đảm thuận lợi trong công tác quản lý của chính quyền địa phương cấp xã và hoạt động của thôn, tổ dân phố.

3. Đối với thôn, tổ dân phố đã hình thành từ lâu do xâm canh, xâm cư trong cùng thành phố nhưng không làm thay đổi địa giới đơn vị hành chính cấp xã thì Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan thống nhất thực hiện việc chuyển giao cộng đồng dân cư để thuận tiện cho hoạt động quản lý và sinh hoạt của cộng đồng dân cư. Sau khi thực hiện việc chuyển giao:

a) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có thôn, tổ dân phố trước khi chuyển giao trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định giải thể thôn, tổ dân phố hoặc điều chỉnh phạm vi quản lý của thôn, tổ dân phố có liên quan;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định việc thành lập thôn, tổ dân phố mới nếu bảo đảm tiêu chí, điều kiện theo quy định của Quy chế này; trường hợp không bảo đảm tiêu chí, điều kiện thì thực hiện việc ghép vào thôn, tổ dân phố hiện có theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố

Trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Căn cứ tiêu chí, nguyên tắc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố theo quy định tại Quy chế này, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm công khai Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố và tổ chức lấy ý kiến Nhân dân bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, tiếp thu, giải trình đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân để hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định. Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân phải thể hiện rõ tổng số hộ gia đình hoặc đại diện hộ gia đình được lấy ý kiến, số lượng, tỷ lệ đồng ý, không đồng ý, ý kiến khác, nội dung tiếp thu, giải trình.

3. Hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Đề án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố, gồm các nội dung chủ yếu sau: sự cần thiết; hiện trạng quy mô số hộ gia đình; phương án thành lập, sắp xếp, tổ chức lại; tên gọi của thôn, tổ dân phố; điều kiện bảo đảm tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố; phương án bố trí, giải quyết đối với người hoạt động không chuyên trách và các nội dung có liên quan;

c) Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến Nhân dân;

d) Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã.

4. Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về việc thành lập, sắp xếp, tổ chức lại thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 17. Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

Trình tự, thủ tục, hồ sơ giải thể, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP, cụ thể:

1. Trường hợp giải thể thôn, tổ dân phố

a) Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố, kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân đối với Tờ trình về việc giải thể thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Hồ sơ giải thể thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình kèm theo danh sách các hộ gia đình thuộc thôn, tổ dân phố thực hiện giải thể; báo cáo tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc giải thể thôn, tổ dân phố;

d) Trên cơ sở hồ sơ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về giải thể thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

2. Trường hợp đổi tên thôn, tổ dân phố

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố, trong đó nêu rõ lý do đổi tên và tên của thôn, tổ dân phố sau khi đổi tên;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân về Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Hồ sơ đổi tên thôn, tổ dân phố gồm: Tờ trình và Phương án đổi tên thôn, tổ dân phố; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã về việc đổi tên thôn, tổ dân phố;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết về đổi tên thôn, tổ dân phố tại kỳ họp gần nhất.

3. Trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập Phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, trong đó nêu rõ sự cần thiết của việc ghép cụm dân cư, phạm vi cụm dân cư được ghép, số hộ gia đình, thôn, tổ dân phố tiếp nhận;

b) Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến Nhân dân tại cụm dân cư được ghép và thôn, tổ dân phố tiếp nhận bằng hình thức phù hợp theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; tổng hợp, giải trình, tiếp thu đầy đủ ý kiến tham gia của Nhân dân; hoàn thiện hồ sơ trình Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, quyết định;

c) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có, gồm: Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã về việc ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; phương án ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có; báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân; dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã;

d) Trên cơ sở hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã, Hội đồng nhân dân cấp xã xem xét, ban hành Nghị quyết ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có.

Điều 18. Áp dụng đối với thôn, tổ dân phố tại đặc khu

Thẩm quyền; trình tự, thủ tục, hồ sơ thành lập, sắp xếp, tổ chức lại, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, tổ dân phố; ghép cụm dân cư vào thôn, tổ dân phố hiện có tại đặc khu thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Nội vụ: Chủ trì hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Quy chế này và theo dõi, kiểm tra, tổng hợp kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

2. Sở Tài chính: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bảo đảm kinh phí thực hiện Quy chế theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện hương ước, quy ước ở thôn và tổ dân phố; hằng năm đánh giá kết quả thực hiện, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ).

4. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo và kiểm tra việc tổ chức thực hiện các nội dung quy định tại Quy chế này;

b) Quản lý, chỉ đạo điều hành hoạt động của Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trên địa bàn theo quy định tại Quy chế này;

c) Định kỳ tháng 11 hằng năm, báo cáo kết quả tổ chức và hoạt động của thôn, tổ dân phố trên địa bàn về Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ).

5. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp tổ chức thực hiện Quy chế này.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố phối hợp với Sở Nội vụ hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức bầu, cho thôi làm Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; phối hợp giám sát việc lựa chọn, công nhận, cho thôi làm Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố theo Quy chế này và quy định có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (qua Sở Nội vụ) để xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.